TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 330/2025/DS-PT
Ngày 20 - 8 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Công Tấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 129/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Tuyết M, sinh năm 1964 (có mặt).

Căn cước số: 096164002563 cấp ngày 09/01/2025 bởi Bộ C.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (Nay là xã C, tỉnh Cà Mau).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lâm Thái S, sinh năm 1965 (có mặt).

Căn cước số: 096065012328 cấp ngày 16/6/2025 bởi Bộ C.

2. Bà Trần Thanh T, sinh năm 1965 (có mặt).

Căn cước số: 096165008567 cấp ngày 30/7/2025 bởi Bộ C.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp C, xã P, tỉnh Cà Mau).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau).

2. Bà Nguyễn Kiều O, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường L, khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường L, tỉnh Cà Mau).

3. Bà Phan Hồng Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo:* Ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, bà Phan Tuyết M trình bày:*

Vào ngày 09/5/2022 ông S có nhờ bà hỏi vay tiền giùm của bà Phan Hồng Đ số tiền 100.000.000 đồng, đến ngày 17/01/2023 nhờ bà hỏi vay tiền giùm của bà Nguyễn Kiều O số tiền 100.000.000 đồng, đến ngày 09/3/2024 ông S có nhờ bà hỏi vay tiền giùm của bà Nguyễn Thị T1 số tiền 100.000.000 đồng, cả ba lần vay tiền đều có làm biên nhận do ông S ký tên. Sau đó, ông S nhờ bà hỏi vay của bà T1 số tiền 200.000.000 đồng để trả cho bà Đ và bà O và cộng với số tiền 100.000.000 đồng vay giùm của bà T1 mà ông S đã nhận của biên nhận ngày 09/3/2024 nên ông S viết biên nhận ngày 20/5/2024 ghi có nhờ bà M vay tiền của bà T1 giùm ông S số tiền 300.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Sau khi vay, ông S chỉ có đóng lãi cho bà được 02 tháng của khoản vay của bà Đ và bà O với mức lãi suất là 5%/ tháng, với số tiền là 10.000.000 đồng và bà đã trả số tiền lãi này cho bà Đ và bà O nhận, các khoản tiền ông S nhờ vay giùm của bà Đ, bà O và bà T1 thì bà đã trả xong cho bà Đ, bà O và bà T1. Số tiền vay ông S nhờ bà vay giùm là trong thời kỳ hôn nhân của ông S và bà T và sử dụng chung trong gia đình ông S và bà T, do ông S cho rằng vay để nuôi tôm công nghiệp.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T liên đới trả cho bà số tiền vốn vay còn nợ là 300.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/01 tháng, tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/5/2025 với thời gian vay là 07 tháng 21 ngày được số tiền lãi là 38.346.000 đồng, tổng số tiền vốn và lãi là 338.346.000 đồng.

- *Bị đơn, ông Lâm Thái S trình bày:*

Ông thừa nhận vào ngày 09/5/2022 ông có nhờ bà M vay tiền giùm của bà Phan Hồng Đ số tiền 100.000.000 đồng, đến ngày 17/01/2023 nhờ bà M vay tiền giùm của bà Nguyễn Kiều O số tiền 100.000.000 đồng, với mức lãi suất là 5%/tháng. Sau khi vay, ông có đóng lãi cho bà M nhiều lần với tổng số tiền lãi còn nợ tính đến tháng 3/2024. Tổng số tiền lãi của hai khoản vay trên là 197.000.000 đồng nhưng ông S trả được 97.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng nên

ngày 09/3/2024 ông mới nhờ bà M vay vay của bà T1 giùm cho ông số tiền 100.000.000 đồng để trả lãi nên ông có ký biên nhận nhờ bà M hỏi vay tiền giùm của bà Nguyễn Thị T1 số tiền 100.000.000 đồng, nhưng thực chất ông không có nhận tiền mà đó là trừ tiền lãi còn nợ. Vào ngày 20/5/2024 ông có viết và ký biên nhận có nhờ bà M vay của bà T1 số tiền 300.000.000 đồng là gộp chung của ba biên nhận vay tiền của bà Đ, bà O và bà T1 trước đó. Viêc ông tự ghi và ký tên biên nhận là do bà M nhiều lần đến nơi ông làm việc để đòi tiền, do sợ bị ảnh hưởng đến uy tín và ký để bà M không đến tìm nữa nên ông viết và ký biên nhận nợ nhờ bà M vay của bà T1 300.000.000 đồng nhưng thực tế chỉ nợ 200.000.000 đồng vốn còn 100.000.000 đồng là tiền trả lãi cho bà M. Đã qua, ông có hốt hụi để trả tiền lãi cho bà M theo giấy giao tiền hụi ngày 10/11/2022 có chữ ký của bà M. Số tiền vay ông sử dụng để nuôi tôm công nghiệp để phát triển kinh tế gia đình từ năm 2020 cho đến nay, việc ông nuôi tôm thì bà T biết nhưng không tham gia nhưng khi làm ăn có khó khăn thì bà T có cho ông mượn tiền để trả do ông và bà T sống chung nhưng làm ăn kinh tế riêng từ năm 2006 cho đến nay, nhưng chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì vẫn cùng lo chung, hiện tại ông và bà T vẫn sống chung với nhau từ năm 1988 đến năm 2024 mới đăng ký kết hôn.

Nay ông đồng ý trả cho bà M số tiền vốn vay còn nợ là 200.000.000 đồng và chấp nhận trả lãi theo quy định của pháp luật nhưng yêu cầu xem xét đối với phần tiền lãi ông đã đóng cho bà M. Không đồng ý cho bà T cùng với ông S trả nợ cho bà M

- *Bị đơn, bà Trần Thanh T trình bày:*

Vào ngày 09/5/2022 ông S có nhờ bà M hỏi vay tiền giùm của bà Phan Hồng Đ số tiền 100.000.000 đồng, đến ngày 09/3/2024 ông S có nhờ bà M hỏi vay tiền giùm của bà Nguyễn Thị T1 số tiền 100.000.000 đồng, hiện bà và ông S chỉ giữ bản photo, bản gốc do bà M giữ. Ông S chỉ nhờ bà M vay tiền nhưng không có chứng từ gì thể hiện ông S nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng. Bà và ông S hiện tại vẫn còn sống chung nhà nhưng sử dụng tiền và làm ăn kinh tế riêng từ năm 2006 cho đến nay có nhiều người thân trong gia đình và bạn bè bà biết rõ sự việc và có làm xác nhận cho bà vào ngày 08/01/2024. Việc ông S nuôi tôm công nghiệp thì bà biết nhưng do ông S làm bà không có tham gia, khi làm ăn thua lỗ thì bà có cho ông S mượn tiền để trả, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì bà và ông S vẫn cùng lo chung. Khi ông S nhờ bà M vay tiền giùm thì bà hoàn toàn không biết, đến khi bà M khởi kiện yêu cầu bà liên đới trả nợ thì bà mới biết nên bà T không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà M.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Phan Hồng Đ trình bày:*

Vào ngày 09/5/2022 bà có cho bà M vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 5%/tháng, khi vay có nghe bà M nói là vay giùm cho ông S. Hiện tại, bà M đã trả xong số tiền vay cho bà nên bà M khởi kiện yêu cầu ông S và bà T trả tiền thì bà không có ý kiến gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Kiều O trình bày:*

Vào ngày 17/01/2023 bà có cho bà M vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 5%/tháng, khi vay có nghe bà M nói là vay giùm cho ông S. Hiện tại, bà M đã trả xong số tiền vay cho bà nên bà M khởi kiện yêu cầu ông S và bà T trả tiền thì bà không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà có cho bà M vay 02 lần với tổng số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất là 5%/ tháng, khi vay có nghe bà M nói là vay giùm cho ông S. Hiện tại, bà M đã trả xong số tiền vay cho bà nên bà M khởi kiện yêu cầu ông S và bà T trả tiền thì bà không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tuyết M. Buộc ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T liên đới trả cho bà Phan Tuyết M số tiền vốn và lãi là 338.346.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thanh toán, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02 tháng 06 năm 2025, bà Trần Thanh T và ông Lâm Thái S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, không buộc bà T và ông S cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà M và yêu cầu trừ tiền lãi ông S đã nộp cho bà M vào phần nợ vốn là 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S, bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Lâm Thái S, bà Trần Thanh T được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Lâm Thái S, bà Trần Thanh T

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà M và ông S, bà T thừa nhận biên nhận vay tiền ngày 20/5/2024 do bà M nộp tại hồ sơ là do ông S viết và kí, nội dung biên nhận thể hiện ông S nhờ bà M vay tiền của bà T1 giùm ông S 300.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng (Bút lục số 41). Theo biên nhận không ghi số tiền vốn là 200.000.000 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng, do đó hiện nay ông S và bà T kháng cáo cho rằng chỉ nhờ bà M vay giùm 200.000.000 đồng vốn và 100.000.000 đồng lãi là

không có cơ sở. Tại hồ sơ và tại phiên tòa ông S cho rằng do ông công tác tại Hội đông y huyện P nên sợ bà M đến nơi làm việc của ông đòi nợ làm ông mất uy tín nên ông đã ghi biên nhận nhờ bà M vay giùm của bà T1 số tiền 300.000.000 đồng, nhưng ông S không có chứng cứ chứng minh ông S bị ép buộc. Do đó không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông S và bà T. Ông S thừa nhận từ ngày 20/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, ông S không trả vốn và lãi cho bà M nên bà M yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng, tính từ ngày 01/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/5/2025 là 07 tháng 21 ngày với số tiền lãi là 38.346.000 đồng, tổng số tiền vốn và lãi là 338.346.000 đồng là có cơ sở.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S cho rằng đã nộp lãi cho bà M theo biên nhận nợ ông S nhờ bà M vay tiền của bà O, bà Đ giùm ông S là 91.300.000 đồng nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh lãi và trừ vào nợ vốn cho ông S nhưng bà M không thừa nhận. Do ông S, bà T cũng không có chứng cứ chứng minh trong khi đó tại biên nhận ngày 20/5/2024 ông S thừa nhận đã nhờ bà M vay của bà T1 giùm ông S số tiền 300.000.000 đồng và đến nay ông S không trả vốn và lãi cho bà M nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S về việc đối trừ số tiền lãi ông S đã nộp vào khoản tiền vốn. Việc ông S cung cấp giấy giao hụi của bà M cho ông S vào năm 2022 (Bút lục số 77) không thể hiện liên quan đến khoản tiền ông S nhờ bà M vay giùm vào ngày 20/5/2024 nên không có cơ sở xem xét.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông S và bà T về nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà M

Hội đồng xét xử xét thấy, ông S và bà T chung sống với nhau từ năm 1988 không đăng ký kết hôn nhưng ông, bà có hai con chung, đến ngày 09/10/2024, ông S và bà T mới đăng ký kết hôn. Trong thời gian ông S nhờ bà M vay tiền giùm là trong thời kỳ ông S và bà T chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nhưng ông S và bà T thừa nhận việc ông S vay tiền nuôi tôm là để phục vụ sinh hoạt chung của gia đình và cùng nuôi con. Tại hồ sơ, bà T có nộp chứng cứ là đơn xin xác nhận kinh tế độc lập ngày 01/6/2025 nhưng thực tế ông S và bà T vẫn cùng sống chung để cùng nuôi con, mọi sinh hoạt về kinh tế của ông S và bà T đều phục vụ cho gia đình, căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì mục đích ông S vay tiền là nhằm phục vụ nhu cầu của gia đình nên ông S và bà T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho bà M. Ông S, bà T căn cứ vào văn bản xác nhận tài sản ngày 25/12/2018 để xác định ông bà có thỏa thuận riêng về chế độ tài sản của vợ chồng có nội dung ông ông S thống nhất cho vợ là bà T đứng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đây là thỏa thuận của ông S và bà T chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận. Do đó, ông S, bà T cho rằng đây là khoản nợ cá nhân của ông S nên ông S và bà T không đồng ý cùng có nghĩa vụ liên đới để trả nợ cho bà M là không có cơ sở.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, bà T.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông S, bà T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2025/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau).

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tuyết M. Buộc ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T liên đới trả cho bà Phan Tuyết M số tiền vốn và lãi là 338.346.000 (Ba trăm ba mươi tám triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Tuyết M không phải chịu án phí. Ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T phải chịu số tiền 16.917.000 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Thái S và bà Trần Thanh T mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Vào ngày 10 tháng 6 năm 2025, ông S và bà T đã dự nộp mỗi người 300.000 đồng, biên lai số 0004210 và 0004207 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau), được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Phương Loan